

Bản án số: 181/2024/DS-PT
Ngày: 15/3/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền.

Bà Phan Thị Tú Oanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đình Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Ông Nguyễn Đức Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 363/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 437/2024/QĐPT - DS ngày 26 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên Tòa số 2020/2024/QĐPT - DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số A đường D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.
(có mặt)

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị Hồng L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số A đường D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Triệu Trọng Đ, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ A, Đ, H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (Hợp đồng uỷ quyền số công chứng 001787, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 20/5/2023 tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh)(có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Bảo T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số A đường D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ B, Khóm B, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 001788, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 20/5/2023 tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh)(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải và tại phiên Tòa ngày hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày như sau:

Ngày 20/12/2021, bà Nguyễn Thị Ngọc C cho vợ chồng bà Đỗ Thị Hồng L, ông Lê Bảo T vay số tiền 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng, không có lãi suất, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày giao nhận tiền là ngày 20/12/2021 để sử dụng vào mục đích làm ăn kinh doanh của gia đình. Ngày 23/3/2022, bà C tiếp tục cho vợ chồng bà L, ông T vay số tiền 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng, không có lãi suất, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày giao nhận tiền là ngày 23/3/2022, cả hai lần vay mượn, bà C và bà L đều lập giấy mượn tiền và cùng ký tên. Sau khi hết thời hạn cho vay, bà C đã nhiều lần yêu cầu bà L và ông T thanh toán toàn bộ khoản vay nhưng bà L, ông T không thực hiện, cố tình trốn tránh, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà C. Nay bà Nguyễn Thị Ngọc C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị Hồng L và ông Lê Bảo T liên đới thanh toán cho bà tổng cộng số tiền là: 2.398.666.667 (Hai tỷ ba trăm chín mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng. Trong đó:

- Tiền nợ gốc là: 2.100.000.000 đồng;
- Tiền nợ lãi được tính từ ngày 24/4/2022 (ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán) đến ngày 26/9/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) theo lãi suất của Ngân hàng N là 10%/năm là: 298.666.667 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo nội dung bản tự khai, tại buổi hòa giải và tại phiên Tòa ngày hôm nay, bị đơn bà Đỗ Thị Hồng L có người đại diện theo ủy quyền là ông Triệu Trọng Đ trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện, bà L vẫn giữ nguyên quan điểm là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C vì: Bà L vay tiền của bà Mười M chứ không phải bà C. Số tiền bà L vay là 1.400.000.000 (Một tỷ bốn trăm triệu) đồng chứ không phải là 2.100.000.000 (Hai tỷ một trăm triệu) đồng. Việc cho vay này có tính lãi và lãi suất từ 8%-10%/tháng. Số tiền lãi bà L đã thanh toán cho bà Mười M là 116.000.000 (Một trăm mười sáu triệu) đồng. Bà L chỉ đồng ý trả nợ cho bà Nguyễn Thị Mười M1 và do hoàn cảnh khó khăn nên bà L yêu cầu được thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mười M1 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi thanh toán xong. Bà L không viết, ký tên trên 02 giấy mượn tiền ngày 20/12/2021 và ngày 23/3/2022.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu bà L thanh toán số tiền lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng N là 10%/tháng tính từ thời điểm bà

L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (24/4/2022) đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm (26/9/2023), ông Đ cho rằng là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì lý do, theo lời trình bày của bà C thì việc vay mượn giữa bà C và bà L là cho vay không có lãi suất. Ông Đ cũng không đồng ý với yêu cầu bà L thanh toán khoản nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Vì ông Đ cho rằng yêu cầu này của bà C là thuộc thẩm quyền xem xét của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Bảo T có người đại diện theo uỷ quyền bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày:

Ông T thống nhất theo lời trình bày của bà L về việc bà L vay tiền của bà Nguyễn Thị Mười M1 và số tiền vay là 1.400.000.000 (Một tỷ bốn trăm triệu) đồng. Số tiền này bà L vay sử dụng mục đích riêng nên ông không đồng ý liên đới trả số tiền này. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu ông T, bà L liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền cho bà C tổng cộng là 2.398.666.667 đồng. Ông T không đồng ý vì lý do ông T không ký tên trên 02 giấy mượn tiền ngày 20/12/2021 và ngày 23/3/2022.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 363/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C.

Buộc bị đơn bà Đỗ Thị Hồng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Bảo T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C tổng số tiền 2.398.666.667 (Hai tỷ ba trăm chín mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó:

- Tiền nợ gốc là: 2.100.000.000 đồng;
- Tiền lãi tạm tính đến ngày 26/9/2023 là: 298.666.667 đồng.

T1 một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 02/10/2023 và ngày 02/10/2023 bị đơn bà Đỗ Thị Hồng L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Bảo T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 363/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo. Các bên vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

- Tại phiên Tòa phúc thẩm, các đương sự đều không nộp thêm các chứng cứ nào khác ngoài các chứng cứ đã được giao nộp tại cấp sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử tuyên bố nghỉ để nghị án Thẩm phán chủ tọa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Hồng L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Bảo T.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 363/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Hồng L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Bảo T đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo do đó về hình thức là hợp lệ. Về người tham gia tố tụng trong vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Bị đơn bà Đỗ Thị Hồng L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 363/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét giải quyết hủy bản án dân sự đã tuyên ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để trả hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo đúng quy định.

[3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Bảo T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 363/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét giải quyết: Sửa bản án dân sự ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông về việc không đồng ý liên đới trả số tiền 2.100.000.000đ (Hai tỷ một trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Ngọc C.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Hồng L và kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Bảo T, nhận thấy: Bị đơn kháng cáo không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo không đồng ý liên đới trả số tiền 2.100.000.000đ (Hai tỷ một trăm triệu đồng) của bà Nguyễn Thị Ngọc C.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định:

[5.1] Căn cứ Giấy mượn tiền lập ngày 20/12/2021 và giấy mượn tiền lập ngày 23/3/2022 thể hiện bà Nguyễn Thị Ngọc C cho bà Đỗ Thị Hồng L, ông Lê Bảo T vay tổng số tiền là 2.100.000.000 (Hai tỷ một trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày nhận tiền. Theo lời trình bày của bà C là việc cho vay không tính lãi suất. Theo lời trình bày của bà L và ông T, việc cho vay này có tính lãi suất và mức lãi suất từ 8% đến 10%/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà L và ông T không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc này.

Bị đơn bà Đỗ Thị Hồng L khẳng định bà không viết và ký tên vào 02 giấy mượn tiền nêu trên, Tòa án đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 01/2023/QĐ-TCGD ngày 11/01/2023 và Quyết định trưng cầu giám định lại số 28/2023/QĐ-TCGD ngày 20/7/2023 theo đơn yêu cầu giám định của bà Đỗ Thị Hồng L.

Căn cứ Kết luận giám định số 1173/KL-KTHS ngày 29/3/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ C2 và Kết luận giám định số 228/KL-KTHS ngày 30/8/2023 của V - Bộ C2 thể hiện: “Chữ ký, chữ viết họ tên “Đỗ Thị Hồng L” dưới mục “Người mượn tiền” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên “Đỗ Thị Hồng Lợi” trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra”. Do đó, đủ cơ sở để khẳng định hai bên đã xác lập giao dịch về hợp đồng dân sự vay tài sản có kỳ hạn, không lãi suất, bên cho vay là bà Nguyễn Thị Ngọc C và bên vay là bà Nguyễn Thị Hồng L1, ông Lê Bảo T. Bị đơn bà Đỗ Thị Hồng L trình bày đã trả số tiền lãi là 116.000.000 đồng cho bà M2 một tuy nhiên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[5.2]. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không lãi suất theo đúng quy định tại Điều 463, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện bà L, ông T chưa thanh toán cho bà C bất kỳ khoản tiền nợ gốc, lãi của số tiền vay từ khi bà L, ông T vay cho đến nay. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Đỗ Thị Hồng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Bảo T phải liên đới trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc là 2.100.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.3] Xét yêu cầu về việc tính lãi quá hạn của bà C đối với số tiền nợ gốc là 2.100.000.000 đồng:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, yêu cầu này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó, bà L, ông T liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền lãi cho bà C tạm tính đến ngày 26/9/2023 là 298.666.667 (Hai trăm chín mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng. Mặc dù, mốc thời gian để tính lãi quá hạn giữa hai giấy vay tiền là khác nhau. Tuy nhiên, bà C chỉ yêu cầu tính theo mốc thời gian của giấy vay tiền ngày 23/3/2022 cho cả hai khoản vay. Xét đây là sự nguyện của bà C và việc tính lãi theo với mốc thời gian này có lợi cho bà L, ông T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.4] Về thời hạn thanh toán:

Căn cứ vào quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bên vay tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn. Mặt khác, số tiền nợ nêu trên đã kéo dài làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong việc thu hồi nợ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C buộc bà L, ông T phải trả 01 lần toàn bộ số tiền nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[5.5] Xét yêu cầu của bà C về việc yêu cầu bà L và ông T có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ cho bà C:

Tại thời điểm vay tiền, ông T và bà L đang là vợ chồng, mặc dù Giấy mượn tiền ngày 23/3/2022 và ngày 20/12/2021 chỉ có chữ ký của bà L nhưng cả bà C, ông T, bà L cùng xác nhận ông T, bà L vay tiền để sử dụng vào mục đích kinh doanh chung duy nhất của gia đình là cho thuê bàn ghế, bán nước và trang trải nợ nần. Do đó, căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu này của bà C có cơ sở nên chấp nhận. Lời trình bày của ông Lê Bảo T về việc không đồng ý liên đới trả nợ cho bà C do ông không ký tên trên giấy mượn tiền là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên đây, cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Nhận định của Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm như sau:

[6.1] Về yêu cầu giám định lại của bị đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Điều 12 Luật Giám định tư pháp năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định: “*Tổ chức giám định tư pháp công lập về kỹ thuật hình sự bao gồm: a) V thuộc Bộ C2; b) Phòng K thuộc Công an cấp tỉnh; c) Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Q; d) Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao*”.

Khoản 2 Điều 29 Luật Giám định Tư pháp 2012 quy định: “*Việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác hoặc trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 của Luật này*”

Khoản 2 Điều 30 Luật Giám định Tư pháp 2012 quy định: “*Trong trường hợp đặc biệt, Viện trưởng VKSND Tối cao, Chánh án TAND Tối cao quyết định việc Giám định lại sau khi đã có kết luận của Hội đồng giám định.*”

Do đó, theo yêu cầu của bị đơn, cấp sơ thẩm đã cho tiến hành trưng cầu giám định chữ viết, ký tên trên 02 giấy mượn tiền ngày 20/12/2021 và ngày 23/3/2022, tại hai cơ quan là: Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ C2 và V - Bộ C2, tại các Kết luận giám định số 1173/KL-KTHS ngày 29/3/2023 và Kết luận giám định số 228/KL-KTHS ngày 30/8/2023, đều có chung một kết quả giám định là: “Chữ ký, chữ viết họ tên “Đỗ Thị Hồng L” dưới mục “Người mượn tiền” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên “Đỗ Thị Hồng Lợi” trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra”. Căn cứ các quy định trên thì việc bị đơn và người liên quan yêu cầu Trung tâm G - Bộ Q giám định lại là không có căn cứ để chấp nhận.

[6.2] Bị đơn bà L kháng cáo xác định bà vay tiền của bà Mười M1 (là mẹ ruột của bà C) chứ không phải bà C, số tiền bà vay là 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng chứ không phải là 2.100.000.000 (hai tỷ một trăm triệu) đồng. Bà yêu cầu Tòa án triệu tập bà Nguyễn Thị Mười M1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được chứng cứ vay tiền của bà Nguyễn Thị Mười M1 (là mẹ ruột của bà C), không có chứng nào khác để chứng minh bà Mười M1 có liên quan đến vụ kiện, để chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu của mình. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, không đưa bà Nguyễn Thị Mười M1 tham gia vào vụ kiện với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật.

[6.3] Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy: Cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ, đánh giá khách quan và ra phán quyết phù hợp với các tình tiết của vụ án đúng pháp luật. Bị đơn bà L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh, nên kháng cáo không được chấp nhận. Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Hồ chí minh tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận là giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 363/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo Bà Đỗ Thị Hồng L và ông Lê Bảo T phải nộp tiền án phí dân sự phúc

thẩm theo quy định tại khoản 1 điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Hồng L.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Bảo T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 363/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C.

Buộc bị đơn bà Đỗ Thị Hồng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Bảo T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C tổng số tiền 2.398.666.667 (hai tỷ ba trăm chín mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó:

- Tiền nợ gốc là: 2.100.000.000 đồng;
- Tiền lãi tạm tính đến ngày 26/9/2023 là: 298.666.667 đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị Hồng L, ông Lê Bảo T có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 79.973.333 (bảy mươi chín triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

H lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0017289 ngày 28/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Đỗ Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2024/0036212 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Bảo T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0036213 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thi hành án tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND Quận 8, Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 8, Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 8, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Hương